

CÂU CHUYỆN “CÔ ĐA ĐAI”: THỰC HÀNH TÔN GIÁO TẠI MỘT NGÔI CHÙA MẬT TÔNG Ở HÀ NỘI**

Tóm tắt: Bài viết này là kết quả khảo sát sự hỗn dung giữa thực hành Phật giáo Mật tông với tôn giáo bản địa (thờ thần cây) liên quan đến hiện tượng gọi hồn, áp vong, bắt ma,... tại một ngôi chùa ở Hà Nội từ tiếp cận Nhân học tôn giáo. Khảo sát này nhằm chỉ ra mối quan hệ giữa tôn giáo (trong trường hợp này là pháp tu Mật) với cuộc sống thường nhật của người dân. Phật giáo không chỉ là tu tập để được giác ngộ của các nhà sư, mà còn cả Phật tử. Qua đó, người viết cũng cho rằng không phải từ khi thâm nhập vào Việt Nam, pháp tu Mật đã thay đổi, mà vẫn luôn thay đổi trong quá trình lịch sử và trong bối cảnh mới của nền kinh tế thị trường để là một pháp phái luôn gắn với đời sống tinh thần, tôn giáo của người Việt.

Từ khóa: Hỗn dung, Mật tông, thực hành, tôn giáo.

1. Đặt vấn đề

Nói đến thực hành tôn giáo tại chùa Việt tại Miền Bắc Việt Nam, người ta thường liên tưởng đến các nhà sư tụng kinh, niệm Phật, trì chú, thiền định, thực hành một số nghi lễ mang tính chất hỗn dung của Đạo giáo và thờ cúng như bán khoán, cắt giải tiền duyên, dâng sao giải hạn, đàn trai. Nhưng câu chuyện về Cô Đa Đai, một nữ thần ngụ trên cây đa cai quản các vong hồn mà tôi sẽ kể trong bài viết này là một hiện tượng không mấy khi bắt gặp tại một ngôi chùa Mật tông ở huyện Thanh Oai, Hà Nội. Câu chuyện kết nối với những nghi lễ và việc chữa bệnh tâm linh tại chùa khi vị Đại đức trụ trì chùa cùng với các nhà sư làm lễ “bắt ma” và chữa bệnh cho những người bị điên mà nguyên nhân bị quy là do “ma

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu Văn hóa, Nghệ thuật Quốc gia, Hà Nội.

** Bài viết này là một phần của dự án nghiên cứu về chùa Thắng Nghiêm, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội do Vietnamese Nôm Preservation Foundation tài trợ. Tôi xin cảm ơn Giáo sư John Balaban, Giám đốc Quỹ đã mời tham gia dự án, cảm ơn Đại đức trụ trì, Phật tử trong chùa ủng hộ và cung cấp những thông tin về trải nghiệm và thực hành tôn giáo tại chùa. Tôi vô cùng biết ơn Tiến sĩ Vũ Hồng Thuật đã chia sẻ quan điểm, đóng góp ý kiến cho bài viết.

nhập". Câu chuyện Cô Đa Đaí bắt ma chữa bệnh là một hình thức hiếm thấy diễn ra tại một ngôi chùa Mật tông để nói về một hiện tượng nghi lễ phát sinh tại chùa, cũng như nói về sự hỗn dung giữa những thực hành huyền mật với tôn giáo cổ truyền của người Việt.

Tôi viết bài này với những trải nghiệm cùng với những quan sát tham dự của một nhà nghiên cứu về lĩnh vực tâm linh, từ nghiên cứu thờ Mẫu, ma thuật đến những thực hành tôn giáo chính thống như Phật giáo, Công giáo. Từ thực tế nghiên cứu này đến nghiên cứu khác khiến tôi muốn nhấn mạnh đến một điểm nhìn rất quan trọng của Nhân học tôn giáo về khái niệm tôn giáo từ góc độ thực hành và trải nghiệm tôn giáo, chứ không phải là từ hệ thống giáo lý. Trải nghiệm của những người thực hành nghi lễ và người được thụ hưởng mới chính là điều cốt yếu của đời sống tôn giáo. Một số ngôn từ sử dụng trong bài viết mang tính ma thuật và tâm linh của những người cung cấp thông tin như "Quy y cho vong", "chữa bệnh cho vong", "vong nhập", "bắt ma," "cảnh giới khác", hiển linh, v.v...

Với quan điểm tương đối luận trong Nhân học là phải giữ "chân trong, chân ngoài" khi trực tiếp tham gia vào thực hành văn hóa, tôi chỉ là người quan sát những buổi gọi vong, gọi hồn trong chùa Thắng Nghiêm. Những vong hồn nhập vào ai đó được Đaí đức gọi lên, sau đó làm lễ quy y Phật và tiếp là Cô Đa Đaí cai quản, không cho quấy phá, nhập trở lại vào thân xác họ. Những người này, theo người tin, được quy cho là vong nhập với các biểu hiện như kêu gào, khóc cười, cắn vào da thịt mình, cho mình là vị thánh nọ hóa thành họ, vong của người chết, khi thì đỡ đỡ, khi thì hung phẫn, không kiểm soát được hành vi bản thân. Còn đối với y học, họ bị phán xét là bị điên, bệnh tâm thần phân liệt không phải là một bệnh do ma quỷ gây ra, mà là một bệnh lý của não, có những biến đổi sinh học phức tạp, chịu tác động mạnh của môi trường tâm lý xã hội không thuận lợi (xem thêm <http://www.ykhoa.net>). Người nhà tìm mọi cách cứu chữa, đưa đi bệnh viện khám, chữa trị theo phác đồ điều trị của các bệnh tâm thần, cuối cùng bệnh vẫn hoàn bệnh, thậm chí lại còn bị nặng thêm. Được tư vấn, được sự giới thiệu, họ tìm đến chữa bệnh tâm linh tại chùa Thắng Nghiêm¹. Để hiểu hơn hiện tượng này từ quan điểm học thuật Nhân học tôn giáo, bài viết vận dụng lý thuyết về ma lực của Alfred Gell (1998) nhằm lý giải hiện tượng bắt vong, chữa bệnh bị quy cho là do ma làm, ma ám.

Dưới góc độ Nhân học, theo quan điểm của Gell, nguyên nhân gây ra những tai họa, rủi ro, hay cái chết đã bị quy kết cho những hành động

phạm thượng, báng bổ thần linh, hay nói cách khác là có ma lực. Như là một cách suy luận xã hội và văn hóa, những bức tượng thiêng, hiện vật, không gian thiêng đã gây ra sự như thế. Giống như các nhà nhân học xã hội và văn hóa khác như Malinowski [1925 (1954)] và Tambiah (1990) nghiên cứu về ma thuật và khoa học, Gell cũng nhấn mạnh rằng ma lực bị quy kết là một hành động của tư duy, suy luận mà có thể nghiên cứu tách riêng khỏi lối lập luận và suy diễn của quy luật tự nhiên và của các ngành khoa học thực nghiệm. Trong Nhân học tôn giáo, các học giả tiếp cận các vấn đề thực hành tâm linh của cá nhân, nhóm người hay cộng đồng từ những lý giải và trải nghiệm của đối tượng nghiên cứu, không phải là sự áp đặt những ý nghĩ chủ quan của nhà nghiên cứu. Và vì vậy, những câu hỏi hay những thắc mắc liên quan đến những vấn đề tâm linh, đến niềm tin, như liệu chúng ta, hay liệu các nhà nhân học có tin hay không tin vào nguyên nhân diễn ra mà bị quy kết là có ma lực thì không quan trọng. Nhiệm vụ của các nhà nhân học là nghiên cứu, phân tích, mô tả về mặt xã hội, văn hóa của những nguyên nhân được đưa ra từ đối tượng nghiên cứu. Ở một số quốc gia, dân tộc, hay trong số các cá nhân, nhóm người, cộng đồng, những nguyên nhân, hậu quả bị quy kết là có ma lực không phải được tất cả chấp nhận, đồng tình. Những quan điểm trái chiều cho rằng bức tượng hay hiện vật thiêng bị quy cho là có ma lực là những điều mê tín dị đoan, nhảm nhí, cần phải loại bỏ. Nhiệm vụ của các nhà nhân học là quan sát, tìm hiểu, thu thập những thông tin đa chiều, đôi khi là trái ngược nhau để làm cơ sở phân tích, đối chiếu, nghiên cứu về cuộc sống văn hóa, xã hội, tôn giáo của con người.

Gọi vong ở chùa Thắng Nghiêm bắt đầu từ những trải nghiệm của nhà sư trụ trì từ năm 1997 đến nay, từ khi xây hàng rào ngăn cách ngôi chùa với làng Khúc Thủy, và những giấc mơ, những đối thoại của Đại đức với thế giới thần linh, một thế giới mà chỉ có những người “đắc đạo” mới “nhìn thấy” được. Còn tôi cùng với nhóm đồng nghiệp nghiên cứu thực tế ở chùa từ năm 2012 đến cuối năm 2013 chỉ biết quan sát, nghe, phỏng vấn và kể lại câu chuyện như là một thực hành đương diễn ra tại một ngôi chùa Mật tông. Vận dụng các quan điểm của Nhân học tôn giáo, nhìn nhận thực hành tôn giáo từ góc độ của người thực hành, bài viết nhìn vào thực trạng của những hoạt động, những quan điểm, những việc làm của Đại đức, các nhà sư, Phật tử để thấy được sự giao thoa, hỗn dung giữa tục thờ thần, vong nhập với thực hành Mật. Sự chấp nhận, nhưng lại có phần lẩn át của những công năng có được bởi những kinh nghiệm tâm linh sâu

sắc của các hành giả Mật tông trong việc thực hành bắt ma, quy y cho các vong tại chùa để nói lên rằng thực hành Mật tìm được con đường hòa nhập với tôn giáo bản địa, tìm được chỗ đứng trong cuộc sống tinh thần, tôn giáo của người Việt, nhưng vẫn giữ được những huyền mật, những thực hành vốn có của nó.

2. Chùa Thắng Nghiêm và thực hành tôn giáo

Chùa Thắng Nghiêm hay còn gọi là chùa Khúc Thủy, tọa lạc trong quần thể di tích Thánh địa Khúc Thủy, từng là nơi trụ trì, thuyết giảng pháp của Linh Thông Hòa Thượng Đại Vương thời nhà Trần. Cha là Trần Khát Chân, bị nhà Hồ sát hại. Đất nước loạn lạc, sư đến tu tập tại chùa Yên Tử, sau đó tới trang Khúc Thủy, huyện Thanh Oai. Ở đó, sư bắt đầu khai tràng thuyết pháp, giảng tam tạng thánh điển, tiếp độ Tăng, Ni. Nhân dân, Phật tử kính ngưỡng sư như Phật tái thế, và khi viên tịch, sư được thờ cúng như vị thành hoàng làng. Hằng năm, từ ngày 14-16 tháng Hai âm lịch, dân làng Khúc Thủy mở hội lớn tưởng niệm công đức Thành hoàng Linh Thông Hòa Thượng, rước lên chùa Khúc Thủy và ngày 15 tháng Hai đoàn rước đi từ đình xuống đền và rước Thành hoàng về đình tế lễ. Chùa Thắng Nghiêm nằm trong hệ thống những ngôi chùa Mật tông rõ nét ở Hà Nội, bên cạnh chùa Long Đầu (huyện Quốc Oai), chùa Vạn Niên (quận Tây Hồ). Các chùa Mật tông ngoài kiến trúc, trang trí, hệ thống tượng mang đặc thù của Mật tông, trong kiến trúc, nghệ thuật, tượng pháp cũng như tu tập, hành trì còn có sự pha trộn với giữa Thiền - Tịnh - Mật. Ngoài tòa “Tam Bảo”, nhà tổ, còn có các gian thờ Trần Hưng Đạo và Mẫu, các vị thánh tiêu biểu trong tôn giáo bản địa của người Việt.

Thực hành Mật tông về bản chất cũng như với sự thay đổi, phát triển khi du nhập vào Việt Nam và thịnh hành từ những thế kỷ VII, VIII với những thực hành bản địa phần nào đáp ứng được nhu cầu tâm lý của xã hội, văn hóa của người Việt. Việc thịnh hành và đáp ứng phần nào cuộc sống tâm linh của người Việt, một phần bởi lễ Mật tông có những bài kinh, chú trong những thực hành nghi lễ để cầu mưa, chữa bệnh, bắt vong, trừ tà (Hà Văn Tấn, 2005, tr. 291-293). Các nghi lễ và thực hành Phật giáo, không phải chỉ riêng của Mật tông như các đại pháp đàn, quán đảnh, cầu quốc thái dân an, cầu siêu, phóng sinh, giải oan cắt kết, đưa vong lên chùa, nhập trạch khá thịnh hành, và trở thành những nghi lễ gắn bó mật thiết không chỉ với các Phật tử, mà còn đối với dân chúng nói chung. Những thực hành này có thể dùng chú Chuẩn Đề hoặc chú của

Lục Độ Mẫu trong bộ Kinh Mật tông. Kinh Mật tông cùng các vị Phật chuyên về chữa bệnh như Phật Dược Sư với hệ thống các nghi quỹ của Quan Âm, Chuẩn Đề có công năng lớn trong điều trị bệnh, đặc biệt các bệnh thần kinh, ma ám, vong nhập mà trong bài viết này tôi sẽ nói rõ hơn trong việc đề cập đến thực hành bắt ma ở trong chùa Thắng Nghiêm. Bộ *Mật tông* ghi lại một số cách chữa bệnh, chẳng hạn “niệm chú Chuẩn Đề trong chỉ ngũ sắc, cứ niệm mỗi câu gút một gút cho đủ số 108 gút đeo trên cổ bệnh nhân thì được lành bệnh. Nếu người ở xa, nên vẽ hình bệnh nhân rồi nhìn vào hình, xưng tên một lần, trì chú một biến, cho đến khi đủ 108 lần rồi mới lấy chỉ đó đeo vào hình nhân thì bệnh cũng lành được. Lúc đi đường, vào rừng, đi thuyền, tàu, phải nên nhớ tụng chú Chuẩn Đề để hộ thân và tránh khỏi tai nạn” (Thích Viên Đức, 1996, tr. 171-172).

Việc thiền định, mở luân xa cùng với mật chú giúp cho những hành giả Mật tông thông qua nghi quỹ để hiển lộ mối liên hệ giữa tâm và thân, giữa con người và vũ trụ với những năng lượng vô cùng tận hướng đến giải thoát, đồng thời cũng giải quyết những vấn nạn sức khỏe, chữa trị, bắt ma, ốm đau không rõ nguyên nhân, hay là cho rằng mờ mả không yên, xây nhà trên các phần mộ, hay ăn trộm của đình, chùa. Bên cạnh những năng lượng vô tận mà hành giả Mật tông hướng tới, thì cũng cần phải đề cập đến các thần tài Mật tông mà họ có thể kiêm nhiệm nhiều chức năng. Các vị chư Phật hộ trì Phật pháp và phụ trách việc quản lý, cứu vớt công lợi sự nghiệp. Chư Phật, Bồ Tát là Bảo Sinh Phật (thỏa mãn đầy đủ mọi cầu nguyện của chúng sinh), Phật Bất Không Thành Tựu (bảo trợ cho sự nghiệp được viên mãn), Hư Không Tạng Bồ Tát (chủ quản về trí tuệ, công đức và tài phú), Tôn Thắng Phật Mẫu (chủ quản ngũ cốc dồi dào, của cải sung túc), Liên Sư Thần Tài (hiện hóa của Liên Hoa Sinh đại sư, giúp chúng sinh thoát khỏi tai nạn và bần cùng)... Hộ pháp thần tài có các vị Tài Bảo Thiên Vương, Tứ Đại Thiên Vương, Đại Hắc Thiên, Tượng Đầu Thần Tài, Cát Tường Thiên Mẫu và Ngũ Tính Thần Tài (Lục Thần Tài, Bạch Thần Tài, Hoàng Thần Tài, Hắc Thần Tài, Hồng Thần Tài) (xem thêm Phạm Thị Lan Anh, 2012, tr. 151). Các nghi quỹ Mật tông còn được gắn với các vị thần bản địa mà những hành giả vào cảnh giới khác có thể giao hòa, tạo nên một hình thức riêng biệt, cụ thể của chùa Mật tông trong thực hành tôn giáo.

Dưới đây là câu chuyện về Cô Đa Đại, trải nghiệm tâm linh và sự hỗn dung giữa thực hành Mật và tôn giáo bản địa tại chùa Thắng Nghiêm.

3. Cô Đa Đaí được quy y Phật

Học giả người Pháp nổi tiếng L. Cadière từ những năm 40 của thế kỷ trước đã từng có những bàn luận rất sâu sắc về thực hành tôn giáo bản địa của người Việt, đó là tục thờ thần linh, trong đó có quỷ thần. Một tôn giáo “không có lịch sử, nó xuất hiện từ khi có nòi giống” (L. Cadière, 2010, tr. 24). Một tôn giáo, mà theo ông “ở mọi giai tầng xã hội đều đặt nền tảng trên một niềm tin ghi sâu trong cảm thức của mình, đó là thần thánh ma quỷ có mặt ở khắp nơi. Họ vờn vơ trong không trung, lượn bay trong gió, trên đường đi nẻo bước hay lặn lội trên các dòng sông, giấu mình dưới nước sâu, vực thẳm Trường Sơn hay rừng sâu bóng tối. Mỏm cao, ghềnh nước hay chỉ một viên đá đều có thể là nơi trú ngụ của thần thánh. Cay cao bóng rậm cũng là nơi ở của họ...” (L. Cadière, 2010, tr. 25). Cây cối, đặc biệt là những cây to bóng rậm ở các làng quê là những cây đa, cây gạo. Câu nói “cây gạo có ma, cây đa có thần” đi vào trong tâm thức của tôi khi còn là một đứa trẻ sống ở làng quê của người Việt vào những năm 1970. Tôi đã từng rợn tóc gáy, sờn gai ốc vào những buổi tối đi ngang qua các cây đa ở làng. Và ngay bây giờ, tôi cũng được nghe kể về những câu chuyện liên quan đến các cây đa to ở các ngã ba, các khu dân cư, đến mức khi làm đường chủ đầu tư và đơn vị thi công cũng phải né tránh không dám chặt cây và phá miếu thờ được xây cạnh gốc cây để thờ những vong hồn, những vị thần trú ngụ.

Cây đa nằm ở cạnh đường, trong khuôn viên của chùa Khúc Thủy không phải ngoại lệ. Miếu ở dưới gốc cây đa thờ Cô Đa Đaí được xây dựng từ rất lâu, không ai nhớ từ năm nào. Dân làng khi đi qua đặt mấy bông hoa, gói kẹo, hay ít hoa quả khấn vái, cầu xin. Đại đức trụ trì nhận thấy rằng “người dân địa phương chủ yếu thờ cúng cây đa hơn là vào chùa lễ Phật”. Chùa Thắng Nghiêm để hoang tàn, các sư không trụ được lâu ở chùa. Điều này đã được Đại đức chiêm nghiệm, dùng thần lực và phép tu của Mật tông để hóa giải khi về làm trụ trì tại chùa.

Cây đa có từ khi nào, không ai biết, chỉ biết rằng từ đời các cụ sinh ra đã thấy có cây đa rồi. Cây đa to hàng chục người ôm, rất linh thiêng. Dân làng kể, trước đây họ vẫn thường nhìn thấy bóng dáng của hai cô công chúa con của Vua Hùng ngự trên cây. Theo truyền thuyết, cô chị tên là Ngọc Hoa, 27 tuổi, cô em 16 tuổi là Ngọc Châu, trong thời kỳ loạn lạc dạt về làng Khúc Thủy. Họ chịu kiếp nạn đói kém, còn duy nhất chút lương thực hai chị em đều nhường cho người dân. Rồi sau đó, hai chị em

ôm nhau, ngồi chết dưới gốc cây đa, hiển linh ở trên cây. Khoảng mấy chục năm về trước, hai cô hiển ứng mặc quần áo trắng, tóc xõa ngồi trên cây mà dân làng thường nhìn thấy. Theo lời kể, một gia đình sống ở bên cạnh cây đa có bà mẹ từ tỉnh Phú Thọ xuống chơi. Cụ ra ngoài đi vệ sinh, nhìn thấy ngọn cây đa bốc lửa. Cụ sợ quá chạy vào nhà, từ đấy không dám xuống chơi với con gái nữa. Từ xưa đến nay, rễ cây mọc ra quấn lấy thân cây như một cái đai, chứ không đâm thẳng xuống đất như những cây đa khác, vì thế dân làng cũng gọi hai cô công chúa hóa thân là Cô Đa Đai. Dân làng quan niệm khi nào cây đa này có rễ cây càng nhiều thì làng càng phát. Thời quân chủ, vùng này là đất của vua, địa phương có rất nhiều người thành tài, ví dụ dòng họ Đào nổi danh².

Từ trước năm 1997, khi Đại đức chưa về trụ trì, cây đa nằm ở cạnh đường phía ngoài chùa, nên dân ở đây chỉ lễ Cô Đa Đai, chứ không vào chùa lễ Phật. Cũng theo Đại đức, “ngày xưa tổ Thanh Thứ chết là do Cô Đa Đai. Một hôm Cô Đa Đai hiển linh về, sư tổ bảo rằng ma quỷ nơi nào mà đến là ta chém, cô liền biến mất. Chiều hôm sau cô lại vào thăm chùa, cụ vác dao đuổi. Sau đó mấy ngày thì cụ mất”³. Đại đức còn có những trải nghiệm tâm linh khác diễn ra tại chùa. Từ khi Đại đức về trụ trì, “nuôi các đệ tử, nhưng không ai ở được. Chú tiểu người Ninh Bình đến chùa tu thì cứ ốm lũng lợ, mang sấm hương hoa ra để thắp hương cho Cô Đa Đai, và khấn thì chú tiểu khỏi, nhưng sau đó chú tiểu hay để ý đến phụ nữ nên Đại đức cho chú tiểu hoàn tục. Sau đó, Đại đức cũng có nhiều đệ tử nhưng đều không ở được”⁴. Như vậy, vào những năm 2000, các sư không trụ lại ở chùa lâu cũng bị quy kết là do Cô Đa Đai.

Đến năm 2001, Đại đức đã trần xong phong thủy chùa, nhưng vẫn khó giữ được người trụ lại chùa. Đại đức cho rằng Cô Đa Đai linh thiêng và nếu có phước báo là thần thánh ở đất chùa, ngự trên cây đa, thì sẽ quy y cho cô vào Tam Bảo để hầu hạ Phật Bà Quan Âm, truyền giới Bồ tát. Sau khi Cô được quy y, chùa mới yên. Sư Dũng, nay là Tỳ khiêu Thích Đạo Dũng đến xin tu. Từ đó đến nay, chùa có thêm nhiều sư đến tu tập và trụ lại được. Hiện nay, ngoài Đại đức, còn có 4 tỳ kheo, 1 Sa di, 2 hình đồng và đã an cư hạ lạp⁵.

Về dinh và miếu của Cô Đa Đai cũng đã được định danh từ cảnh giới bên kia và trong hiện thực. Chuyện kể rằng, dinh Cô ở trên ngọn cây, làm cột kèo toàn bằng vàng ròng. Cô có 5 núi vàng, 3 núi bạc, tiền của của Cô nhiều vô cùng. Còn miếu thờ Cô mà dân làng đã xây từ xưa ở gốc cây đa,

đặt thêm tượng Quan Âm để cô hầu đức Phật. Trong miếu còn có tượng Di Đà. Ngoài ra, Đại Đức còn cho vẽ tranh Cô⁶ trên bức tường cạnh cây đa. Cô Đa Đaí còn có nhiệm vụ cai quản các vong vào chùa và sau khi đã quy y trước miếu thờ Cô ở gốc cây đa. Cho nên, trong miếu Cô, ngoài trang sức vòng vàng, xuyên, còn có một hộp đựng túi, dây kim cương, pháp khí, một giới đao, linh trường nhỏ để cô canh giới, trấn áp “chúng sinh” bướng bỉnh. Từ đó đến nay, mỗi khi có vong theo người vào chùa, hay những người bị vong nhập được đưa đến chùa đều được Đại đức và các sư gọi vong và cho quy y theo Phật dưới sự cai quản của Cô Đa Đaí.

4. Mật tông và vong hồn

Giữa vong hồn và Phật giáo có những mối liên hệ chặt chẽ. Theo Phật giáo Bắc tông, con người sau khi chết có thể tái sinh làm người, có thể vào Địa ngục, có thể lên cõi Trời, về cõi Phật, v.v... thì gọi là linh hồn, ma, quỷ. Nhưng do họ có ân oán với người này, người khác trên dương gian nên họ tìm đến với nhiều lý do: đòi mạng, tìm nơi trú ngụ, hoặc muốn được hầu hạ⁷. Đối với Đạo giáo, các “thầy pháp” dùng bùa chú bắt vong, có thể cho làm lính của ông ta, hoặc nhốt, giam hãm không cho ra ngoài nữa⁸. Còn Phật giáo, theo Đại Đức, dùng tâm chuyển hóa bỏ hận thù, vẫn được tự do, tự tại, nhưng không bị đau khổ, oán hận nữa và quy y cho các vong. Khi họ đã quy y rồi thì chuyển vào cảnh giới của Phật, nương vào cửa Phật bởi Phật có “tam thân viên mãn” là pháp thân, báo thân và hóa thân⁹. Phật giáo là đạo của từ bi và trí tuệ. Từ bi vô lượng, trí tuệ vô biên nên có thể cảm hóa được các thế lực khác, quỷ, thần, vong và theo Đại đức “âm dương gần nhau, Phật pháp đùe huê”.

Việc gọi vong, chữa bệnh tại chùa Thắng Nghiêm là sự kết hợp giữa nghi quỹ Mật tông với công tác xã hội. Từ khi có những chuyện tâm linh diễn ra ở chùa vào khoảng những năm 2000 khi thánh tổ hiện về và quy y cho Cô Đa Đaí, có nhiều bệnh nhân bị thần kinh, bị điên vào chùa, sống với các thầy, có người 3 - 4 ngày khỏi bệnh về, có người vài tháng, có người 1 năm, 2 năm. Những người bị quy cho là bị các vong nhập, khi vào chùa, họ ở lại một thời gian để theo dõi. Trong thời gian đó, họ làm công quả trong chùa, đồng thời tiến hành chữa bệnh âm và dương. Chữa bệnh âm ở đây ý nói là giải quyết tâm lý, hợp thời, hợp duyên thì làm cho vong lên. Nếu bị bệnh dương do cơ địa thì đưa họ đến bệnh viện khám bệnh, lấy thuốc. Trong thời gian ở chùa, các sư khuyên họ niệm Phật, dọn dẹp chùa, ăn chay, động viên, ngồi tâm sự, thổ lộ những việc khúc mắc

trong gia đình cuộc sống, giải thích, niệm Phật, mệt mỗi nghi, động viên, “tâm” trụ lại trong chùa. Như vậy, Đại đức và các sư, ngoài nghi quỹ Mật tông, còn làm công tác xã hội cho những người bị tâm thần.

Trong thời gian gần một năm qua, tôi đã quan sát được một số buổi áp vong. Nghi lễ gọi vong, áp vong được thực hiện trước nhà Tứ Ân, cạnh cây đa trong chùa. Người bị vong nhập hoặc người cho mượn xác để các vong nhập vào ngồi ở chiếu trước cửa điện của nhà Tứ Ân. Các sư mời vong lên, hỏi tên tuổi, quê quán. Một cuộc gọi vong có thể có 3 cấp: *nhiếp phục* (dùng lòng từ bi để khuyên giải), *chiết phục* (dùng sức mạnh với pháp khí như linh chuông, chữ, giới đao, đầu minh vương để bắt vong ra), và *thu phục* (thỏa thuận, đồng ý ra khỏi thân xác với một số điều kiện). Sau đó, các sư làm lễ quy y cho các vong tại gốc cây đa để họ đi hầu Cô Đa Đa. Một vị sư kể rằng: “Trước đây các vong lên đòi nhiều vàng mã lắm, đòi quần áo, xin nhà, xin cửa... Dâng vàng mã đáp ứng cho vong linh, rồi khuyên xả bỏ sân si. Các vong lên mà là những vong bị bệnh, hay bị đánh chết, bị đau đớn, các sư phải đọc các câu thần chú chữa bệnh cho họ... Vong lên, quy y là chuyển nghiệp, chiến thắng của Phật pháp, nghiệp chúng sinh tạo nên là chúng sinh phải trả, nghiệp nhẹ tu thì tiêu trừ đi, nặng thì đến khi thành Phật, thành thánh phải trả hết”¹⁰.

Niềm tin, niềm hy vọng, lòng từ bi nhân đức cũng là một động lực, một liều thuốc cho những người bị “bệnh âm”. Trường hợp của cháu Yên đang chữa bệnh điên tại chùa Thắng Nghiêm là một ca nan giải. Nhà Yên ở Lạng Sơn, bị bệnh từ năm 12 tuổi, bệnh càng ngày càng nặng thêm và không đi học được nữa. Bố mẹ đưa đi bệnh viện Bạch Mai chữa bệnh 6 năm rưỡi mà không khỏi, sau đó đưa đến một thầy cúng ở Bắc Giang chữa được mấy tháng, đỡ, rồi lại bị nặng lên. Khi nghe tin chữa bệnh âm ở chùa Thắng Nghiêm, gia đình đưa đến chùa từ cuối năm 2012. Cô bé luôn ở trong tình trạng hoang tưởng, đêm ít ngủ, la hét, nhìn thấy ma, khi thì cười, khi thì khóc, có khi nói tiếng Trung Quốc. Vào một ngày tháng 1 năm 2013, các thầy gọi được vong người con gái Trung Quốc 16 tuổi, nói rằng bị cưỡng hiếp chết, giấu xác ở đất nhà Yên đang ở. Gia đình Yên làm nhà, đóng cọc đâm vào xác cô. Xác tan ra đất rồi, nhưng thần thức vẫn còn. Sau khi xây nhà xong, thì Yên bị bệnh nặng hơn. Khi vong lên uất hận không chịu buông bỏ. Vong đó sinh năm 1878, xác tan ra đất rồi mà còn “chấp” vào người trần. Trong buổi gọi vong, Đại đức nói: “Vong nhập vào, Yên sẽ đau khổ. Hãy xả bỏ thân, đến chùa tu hành, thầy sẽ cầu

nguyện giúp cho”¹¹. Theo ý nguyện của vong đó do bị đóng cọc vào ngực nên các thầy dùng thần chú rút cọc ra. Từ hôm vong thoát ra, Yên ngủ tốt hơn, tự làm được các việc cho bản thân, chịu khó lên chùa tụng kinh niệm Phật. Đầu tháng 10 năm 2013, tôi gặp hai mẹ con, người mẹ vui hơn khi được Đức Ông “hiển linh” báo rằng mùa xuân tới gia đình sẽ được sum vầy. Đó cũng là niềm tin, niềm hy vọng giúp hai mẹ con kiên trì chấp tác, tạo phước, tích phước ở chùa và mong ngày Yên được mạnh khỏe, trở về với cuộc sống đời thường.

5. Chuyện đạo và đời

Qua quan sát các hoạt động trong chùa và phỏng vấn một số đối tượng hay đến chùa, quy y Tam Bảo, chấp tác tại chùa, tôi nhận thấy rằng giữa đạo và đời có một sợi dây liên hệ vô hình, gắn bó con người với công việc, hoạt động tại chùa. Đến lễ và ở chùa là Phật tử khắp nơi là chính, không phải người già trong làng Khúc Thủy. Họ đến chùa với nhiều lý do, “duyên” khác nhau, có người phát tâm theo Phật, nhưng những người hay đến chùa phải kể đến những người có duyên được Đại đức giúp như cầu con, những người bị quy cho có bệnh, nhưng là bệnh do nghiệp chướng.

Một bộ phận các Phật tử, “thiện nam, tín nữ” đến chấp tác tại chùa, tham dự các khóa lễ, nghe giảng pháp, tham gia các hoạt động của Đạo tràng với những lý do rất cá nhân nhưng cũng đầy màu sắc huyền bí. Đó là câu chuyện về hai vợ chồng họa sĩ nhờ Đại đức cầu xin đã sinh hạ được một cậu con trai. Hai vợ chồng phát tâm vẽ tranh các sư tổ, các vị Phật của Mật tông, các vị thần tài, hộ pháp ở tường xung quanh chùa. Hay câu chuyện về một Phật tử đã từng là một người điên sau khi lấy chồng được vài ngày. Cô gái được mang đến chùa, Đại đức gọi ra các âm binh trước đây đã từng đi phục vụ vị pháp sư 4 đời của nhà chồng, nhưng sau đó không có người nổi dõi nữa. Gia đình vẫn còn giữ lại các sách cúng của các cụ. Các âm binh do bị oan uổng, bị giam giữ, nên bây giờ các âm binh “trả thù”. Thầy gọi các vong ra và quy y để không còn nhập vào cô nữa. 4 tháng sau, cô gái có bầu, giờ đã sinh hạ được một cậu con trai. Mỗi khi nhà chùa có việc, hai vợ chồng vào chùa giúp, không có việc gì làm thì quét dọn. Sau 8 tháng kể từ khi cô được chữa bệnh tại chùa, gia đình nhà chồng đã mang tất cả “sách cúng” sưu tập được đến tặng chùa. Và những câu chuyện giữa đời và đạo về các số phận cá nhân có “duyên” với chùa cứ dài mãi các thành viên.

Tóm lại, trên đây chỉ là một trường hợp nghiên cứu về hoạt động tâm linh đang diễn ra tại một ngôi chùa Mật tông. Siêu nghiệm vào cảnh giới bên kia, với những giấc mơ, việc bắt ma, chữa bệnh cho vong để bị cho là hoang tưởng, mê tín. Tác giả bài viết dựa vào quan sát thực tế và phát triển tư liệu thu thập được từ góc độ thực hành của các vị sư trong chùa, của các Phật tử, người tin theo đến sinh hoạt và chữa bệnh tại chùa. Tác giả cũng khó có thể đứng từ góc độ khác khi thực tế đã quan sát, ghi chép, phỏng vấn tìm hiểu các sự kiện, những con người thực, và cuộc sống diễn ra hằng ngày ở chùa. Trong bài giới thiệu về Mật tông của Thích Viên Giác, triết lý của Mật tông là triết lý của Bát nhã Ba la mật (Prajñāpāramitā) và giáo lý Hoa Nghiêm cộng với Duy thức học. Sự phối hợp giáo lý siêu nghiệm với các mật ấn, mật chú, mandala là một sự kết hợp đặc biệt của Mật tông. Những pháp khí, các biểu tượng và nghi quỹ của Mật tông biểu thị mối liên hệ giữa tinh thần và vật chất, giữa con người và vũ trụ với những năng lượng vô cùng tận. Như Đại Đức chùa Thắng Nghiêm chiêm nghiệm “Đây là cảnh giới, chỉ có người chứng mới hiểu và biết được”. Trên tinh thần và triết lý này, thực hành Mật tông khi du nhập vào Việt Nam, dễ thâm nhập và hòa đồng vào tôn giáo truyền thống. Ngoài những nghi lễ và thực hành huyền mật, Mật tông chấp nhận một số vị thần linh bản địa và lồng ghép những thực hành của Mật tông tạo thành một hoạt động tôn giáo pha trộn, nhưng vẫn ở vị trí trấn áp và vượt lên trên, nhờ vào quy y Phật để nương vào uy lực của Tam Bảo nhằm đạt được an ổn vô hạn của tâm thức, thoát mọi khổ não. Vì thế, pháp tu Mật đã có mặt ở Việt Nam từ khá sớm, tuy rằng không hẳn thành một “tông phái” nhưng những yếu tố của Mật giáo đã được hòa nhập trong các nghi lễ, sinh hoạt Phật giáo cũng như trong một số nghi thức vừa mang màu sắc Phật giáo, vừa mang tính đại chúng, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của đông đảo dân chúng. Tính tương đồng và hòa nhập này của pháp tu Mật giáo là một trong những điều kiện để nó tồn tại phát triển trong lịch sử cũng như trong hiện tại. Các phép hành trì, huyền mật dành cho giới Tăng ni, Phật tử, những cuộc sống với những vấn đề của đời sống như sức khỏe, bệnh tật, đường con cái, tất cả đều được hòa nhập vào với những thực hành của Mật giáo. Thậm chí điều này còn diễn ra với những vị thần bản địa, được cho là trú ngụ trên cây đa, như Cô Đa Đại ở chùa Thắng Nghiêm. Dưới tác động của Mật pháp, Cô đã được quy y Phật để vào giới Phật và còn được “giao” nhiệm vụ cai quản những vong hồn trong chùa, thậm chí những vong hồn đã nhập vào người đã được triệu ra trả lại thân xác cho con người. Câu chuyện tưởng chừng như hão huyền này đã và đang tồn tại tại một ngôi chùa Mật tông với những pháp khí, lễ nghi, thực hành, hành trì, quán tưởng, trì

chú, hành lễ của Mật tông được truyền lại từ dòng chùa Hương. Điều này cũng nói lên sự thâm nhập và hòa đồng của Mật tông đối với cuộc sống tâm linh bản địa, đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người dân. Và do vậy, Mật tông tìm được chỗ đứng trong hệ thống tôn giáo và có chiều hướng phát triển, hưng thịnh trong thời đại ngày nay với nhiều đối tượng, nhiều lứa tuổi tham gia./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Tác giả xin phép dùng tên thật của ngôi chùa; tên những người cung cấp thông tin ở chùa đã được thay đổi.
- 2 Phòng vấn Đại đức tại chùa Thắng Nghiêm, ngày 19 tháng 1 năm 2013.
- 3 Phòng vấn Đại đức tại chùa Thắng Nghiêm, ngày 19 tháng 1 năm 2013.
- 4 Phòng vấn Đại đức tại chùa Thắng Nghiêm, ngày 19 tháng 1 năm 2013.
- 5 Theo *Thắng Nghiêm an cư hội thượng, đại tăng an cư đặng danh hạ lập năm 2012*.
- 6 Chùa Thắng Nghiêm có một hệ thống tranh vẽ về các Phật tổ, về các vị thần Mật tông, đạo sư ở trên bức tường ranh giới giữa chùa và đường làng Khúc Thủy. Theo Đại đức, để vẽ được bức tranh về chân dung các Ngài, thì Đại đức cũng như họa sĩ cũng được báo mộng về hình hài và thể pháp của các Ngài.
- 7 Tại lễ gọi vong ngày 29 tháng 9 năm 2013 cho cô gái người làng Đa Sĩ, huyện Thanh Oai, cô bị một bà cô bên nhà chồng nhập vào từ một tháng trước.
- 8 Thầy phù thủy, thầy pháp luyện âm, khi giam các vong vào rồi, phải giữ lại trong nhà, tiếp tục nuôi dưỡng nhóm quân này, hằng tháng phải cúng nếu không chúng phá.
- 9 Phòng vấn Đại đức tại chùa Thắng Nghiêm, ngày 19 tháng 1 năm 2013.
- 10 Phòng vấn sư Trung tại chùa Thắng Nghiêm, ngày 4 tháng 8 năm 2013.
- 11 Sau đây là một đoạn gỡ băng của buổi gọi vong cho Yên:
 - Các vong hoan hi vào đi, Nguyễn Thị Yên
 - Nói ra thầy mới giúp được chứ, bình tĩnh nào, xả đi mới hết đau, không khóc nữa, vong của cháu Yên à? Hai cảnh giới khác nhau mà.
 - Rút đinh chứ gì có nói được không?
 - Cả nhà con bị nó giết vào một hồ.
 - Nhà con có mấy người tắt cả?
 - Có 4 người
 - Con tên là gì? Do nghiệp mình bị như vậy, nói ra thì ta sẽ giúp cho.
 - Nó đến nó cướp của giết người, nói ra.
 - Bỏ tên là gì?
 - Thào A Cha, dân tộc Nùng mất năm 40 tuổi.
 - Mẹ tên là gì?
 - Hoàng Ngọc Chi, mẹ mất lúc 42 tuổi.
 - Em trai con tên là gì?
 - Thào A Chất, mất năm 13 tuổi.
 - Con tên là gì?
 - Thào Ngọc Năm 17 tuổi, mất năm 1878.
 - Nguyên nhân nào theo nó?
 - Nó ở đất nhà con.
 - Chấp nó làm gì bỏ đi, xả bỏ đi, thân xác ra đất rồi, tu hành, ra phủ Cô Đa Đaí ở. Thầy độ cho ở đây tu hành cả bố mẹ và em, xả bỏ hết đi. Cho con miếng châu mang ra phủ Cô Đa Đaí để ở đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Lan Anh (2012), *Vấn đề Mật tông qua một số chùa ở Hà Nội*, Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. L. Cadière (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo Việt Nam*, Đỗ Trinh Huệ biên dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Thích Viên Đức (dịch giả) (1996), *Bộ Mật tông*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
4. A. Gell (1998), *Art and Agency: An Anthropological Theory (Nghệ thuật và ma lực: Lý thuyết nhân học)*, Oxford: Clarendon.
5. Thích Viên Giác (2013), *Giới thiệu về Mật tông theo Kim Cang Thừa*.
6. B. Malinowski (1954 (1925), "Magic, Science and Religion" (Ma thuật, Khoa học và Tôn giáo). In trong *Magic, Science and Religion and Other Essays (Ma thuật, khoa học và tôn giáo và các bài viết khác)*, Garden City, N.Y.: Doubleday anchor: 17 - 92. Bản dịch của Dương Bích Hạnh in trong sách *Nhân học tôn giáo*, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Tạp chí Xưa & Nay và Nxb. Đà Nẵng, 2006: 147 - 212.
7. <http://www.thientinhmat.net/news.php?readmore=259>. "Giới thiệu về Mật tông". Truy cập ngày 19 tháng 10 năm 2013.
8. <http://www.ykhoa.net/yhocphothong/tamthan/tamthan03.htm>. "Bệnh tâm thần phân liệt". Truy cập ngày 19 tháng 10 năm 2013.
9. Hà Văn Tấn (2005), *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
10. Stanley Jeyaraja Tambiah (1990), *Magic, Science, Religion and the Scope of Rationality (Ma thuật, Khoa học, Tôn giáo và phạm vi duy lý)*, Cambridge: Cambridge University Press.

Abstract

**THE STORY OF "CÔ ĐA ĐAI": RELIGIOUS PRACTICE
IN A BUDDHIST TANTRA TEMPLE IN HANOI**

This text examines the synthesis between Tantrism practice and indigenous religion (plant worship) such as conjuring up the spirits of the dead or raising spirits, catching the ghost in a Buddhist temple in Hà Nội according to the religious anthropology approach. This research indicated the relationship between religion (case of the Tantrism cultivation) and daily life of people. Buddhism does not only mean self-cultivation for deliverance (Moksa), understanding (Avabodha) of monks but it also is intended for Buddhists. In addition, this article confirms that Tantrism has changed when it penetrated into Vietnam and it is changing in order to conform to Vietnamese religious and spiritual life in the context of the economic market.

Keywords: Practice, religion, synthesis, Tantrism.